

# THIÊN Y ANA VÀ SỰ TIẾP GIAO VĂN HÓA TẠI CÁC MIẾU THỜ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐINH THỊ TRANG\*

Nữ thần Thiên Y Ana còn gọi là Pô Inur Nagar (tiếng Chăm gọi pô là ngài, là bà; inur là mẹ; nagar là xứ sở, đất nước hay đô thị). Tuy nhiên, thật khó xác định nữ thần Thiên Y Ana được người Chăm thờ tự từ bao giờ? Vì cho đến nay, không còn lại những dấu tích vật chất liên quan đến nguồn gốc tín ngưỡng của người Chăm về bà. Nhưng qua các truyền thuyết, các địa danh mang thánh tích lại cho chúng ta biết tục thờ nữ thần Thiên Y Ana dường như có mặt trên khắp lãnh thổ của vương quốc Chăm Pa xưa.

## 1. Đôi nét về vùng đất Ngũ Hành Sơn

Quận Ngũ Hành Sơn nằm về phía Đông - Nam của thành phố Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị định số 07/1997/NĐ-CP ngày 23/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ, gồm 4 phường: Khuê Mỹ, Mỹ An, Hòa Quý và Hòa Hải. Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp huyện Hòa Vang và quận Cẩm Lệ; phía Bắc giáp quận Hải Châu và quận Sơn Trà; phía Nam giáp với huyện Điện Bàn của tỉnh Quảng Nam. Diện tích tự nhiên là 36,52 km<sup>2</sup>, dân số 61.441 người, tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm là 1,20%.

Tư liệu khảo cổ học cho thấy, mảnh đất quanh những ngọn núi Cẩm Thạch (Ngũ Hành Sơn) đã có cư dân cổ cư trú ít nhất từ 3.000 năm trước,

thuộc hậu kỳ đá mới, sơ kỳ kim khí - tiền Sa Huỳnh và có thể còn sớm hơn khi khu vực này vẫn còn sát biển. Các nhà khảo cổ học nhận định rằng: “Ngũ Hành Sơn từng là một làng - bến - thị tứ nhỏ (ý kiến của giáo sư Trần Quốc Vượng) nằm dưới những ngọn núi Cẩm Thạch, soi bóng xuống dòng sông Cẩm Lệ; thông thương giữa hai vùng quan trọng của vương quốc Chăm Pa thời bấy giờ: Rudrapura (Đà Nẵng) và Champura (Hội An). Cư dân nơi này tích hợp trong mình đầy đủ tổ chức của các ngành kinh tế: nông - công - lâm - ngư - thương. Trong mối tương quan với thương cảng Cù lao Chàm và vùng Cửa Đại, chúng tôi cho rằng, Ngũ Hành Sơn là một trung tâm buôn bán nhỏ, nơi tiêu thụ, trung chuyển, thương chuyển của Trung Quốc, Ả Rập và các quốc gia khác trên con đường tơ lụa quốc tế mà Cù lao Chàm là điểm dừng chân khá thường xuyên”<sup>1</sup>.

Còn theo các thư tịch cổ, thì dưới thời nhà Hán, nơi đây thuộc quận Nhật Nam. Căn cứ vào cổ sử Trung Hoa, GS. Phan Khoang cho rằng: “Từ hậu bán thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, trên các đồng bằng Trung Việt ngày nay, từ Khánh Hòa ra đến núi Hải Vân tỉnh Quảng Nam, đã có những man di giống Malayo-polynésiens từ các hải đảo tràn đến ở. Ấy là tổ tiên của người Chăm. Đến thế kỷ I, man di này đã khá đông nên đã cống nhà Hán, rồi chống lại nhà Hán”<sup>2</sup>.

\* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Đến cuối nhà Đông Hán (Hán Hiến Đế Lưu Hiệp, niên hiệu Sơ Bình thứ 3 - 192), một thổ dân tên là Khu Liên ở Tượng Lâm nổi lên đã giết viên huyện lệnh và tự xưng làm vua Lâm Ấp. Lâm Ấp được sử Trung Quốc chép như là tên đầu tiên của quốc gia sau này được gọi là Chiêm Thành<sup>3</sup>. Vào năm 1306, với sự kiện vua Chăm là Chế Mân dâng cho vua Trần Anh Tông hai châu Ô và Lý để làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân của nước Việt, thì mảnh đất này thuộc về lãnh thổ Đại Việt. Sách Nam - Việt lược sử chép: “Năm 1305, Anh Tông đưa công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Chế Mân dâng hai tỉnh Ô và Lý cho An Nam, sau cải gọi là Thuận Châu và Hóa Châu”<sup>4</sup>. Một năm sau (1307), nhà Trần đổi hai châu Ô và Lý thành Thuận Châu và Hóa Châu. Vùng đất Ngũ Hành Sơn thuộc Hóa Châu. Từ đây, các cuộc di dân của người Việt ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ vào vùng đất mới diễn ra.

Đến năm 1471, vua Lê Thánh Tông tiến đánh Chiêm Thành, một số binh sĩ, tướng lĩnh trong đoàn quân này sau khi chiến thắng đã không rút về quê cũ, mà ở lại giữ gìn an ninh, quản lý xã hội trên vùng đất mới. Đến thời kỳ các chúa Nguyễn thì các đợt di dân về phương Nam diễn ra càng mạnh mẽ hơn. Và, thời kỳ này góp phần không nhỏ để tạo nên diện mạo dân cư vùng đất Ngũ Hành Sơn. Ngoài lực lượng nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán, nông dân sống bằng nghề trồng lúa nước còn có một lực lượng khá quan trọng được chúa Nguyễn dùng vào khai thác nơi đây là những tù binh bắt được trong các cuộc chiến tranh với đàng Ngoài, được đưa đến để lập nghiệp tại vùng đất mới. Ban đầu, người dân di cư phải chịu nhiều khó khăn, thiếu thốn, sự ác nghiệt của khí hậu, sự chống đối của người Chăm bản địa vẫn đang bám trụ tại đây. Tuy nhiên, với bản tính cần cù, chịu khó của những người nông dân chân chất, với sự ngoan cường trong tâm thế của kẻ “không còn gì để mất”, những lưu dân Việt đã trụ lại trên mảnh đất này khai khẩn đất đai, dựng làng lập ấp, khẳng định vị trí của mình ở vùng đất mới.

Sau khi định cư, thành lập xóm làng thì các thiết chế văn hóa cũng được hình thành, đã tạo điều kiện cho sự hội nhập, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa người Việt và người Chăm diễn ra thuận lợi hơn. Mỗi làng đều cây dựng đình, làng Âm linh, miếu thờ Tam vị, Thổ Địa, Ngũ Hành, Thái

Giám Bạch Mã, Bà chúa Ngọc<sup>5</sup>,... Bên cạnh hệ thống các vị thần trong tín ngưỡng của mình, thì người Việt còn đưa nữ thần Thiên Y Ana (Bà chúa Ngọc) của người Chăm vào trong các miếu thờ và cũng thờ cúng bà bình đẳng như hệ thống thần của người Việt. Bởi họ tin rằng, chức năng của vị thần người Chăm này cũng quán xuyến và giúp đỡ cho người dân trong làng sống yên vui, hạnh phúc.

## **2. Thiên Y Ana và sự tiếp giao văn hóa tại các miếu thờ trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn**

Theo nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế thì các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á nói chung, người Việt và Chăm nói riêng thường có quan niệm về đa thần. Yếu tố tâm linh, thờ các vị thần từ miền núi đến vùng đồng bằng, hải đảo thường được thể hiện trong đời sống hằng ngày của họ. Họ hướng về những nơi như rừng sâu, núi cao, giếng nước,... và cho đó là chốn linh thiêng. Bên cạnh đó, yếu tố Mẫu cũng là một hằng số văn hóa vô cùng quan trọng, nó hiện hữu trong cuộc sống thế tục của con người mà giữa hai tộc Việt và Chăm cũng đều mang dấu ấn đậm nét. Ở đây, chúng ta bắt gặp sự tương đồng về văn hóa của hai tộc người này trong bối cảnh chung của văn hóa Đông Nam Á, là sự giao thoa tiếp biến văn hóa lẫn nhau.

Giáo sư Ngô Đức Thịnh cho rằng, việc “thờ phụng Nữ thần và Mẫu thần là cái nền chung của đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của các tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á. Tuy nhiên, với mỗi đất nước, mỗi dân tộc, xuất phát từ môi trường tự nhiên, hoàn cảnh kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa thì việc thờ phụng Nữ thần, Mẫu thần và Thánh Mẫu có nét đặc thù riêng. Mẫu thần của dân tộc Chăm cũng không nằm ngoài quy luật chung đó”<sup>6</sup>.

Khi người Việt vào định cư trên vùng đất Ngũ Hành Sơn, môi trường cảnh quan mới, điều kiện giao tiếp mới đã làm cho tín ngưỡng thờ Mẫu vốn gắn liền với đời sống tín ngưỡng của họ lại có điều kiện phát triển theo chiều hướng mới mẻ hơn so với cội nguồn của nó. Bà được thờ ở rất nhiều nơi. Sự thờ cúng bà gắn liền với tâm thức là vị thần Mẫu có chức năng cai quản đất đai, độ trì bình an, ban tài lộc cho con người. Tín ngưỡng thờ bà bước đầu đã thể hiện một ý thức nhân sinh, ý thức về cội nguồn, dân tộc, lòng yêu nước, một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được linh thiêng hoá mà Mẫu chính là biểu tượng cao nhất<sup>7</sup>.

### 2.1. Nữ thần Thiên Y Ana

Thiên Y Ana được người Chăm xem là bà Mẹ Xứ sở của mình. Theo thời gian, sự biến đổi từ Mẹ Xứ sở/Pô Inư Nagar của người Chăm thành bà Diên Ngọc Phi chúa Ngọc (hay bà chúa Ngọc) của người Việt để dễ dàng trong việc tiếp nhận và thờ cúng, cũng như cầu mong, nguyện ước. Dưới thời nhà Nguyễn, bà được phong tặng danh xưng bằng mỹ tự: “*Hồng nhân phổ tế, Linh cảm diệu thông, Mặc tướng trang huy, Dực bảo trung hưng Thượng đẳng thần*”.

Cho đến nay, có nhiều truyền thuyết khác nhau về sự tích của bà. Chuyện về nữ thần Thiên Y Ana của người Chăm được Phan Thanh Giản ghi lại vào năm 1856 và các quan địa phương đã khắc truyền thuyết đó lên bia đá, dựng ở tháp Bà (Nha Trang - Khánh Hòa). Sau này, sự tích về bà được chép trong *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn như sau:

“*Tương truyền, Thiên Y là một nàng tiên, ban đầu giáng xuống núi Đại Điền. Thuở ấy có hai vợ chồng ông già ở sườn núi, trồng dưa để sinh sống. Khi dưa chín thường bị hái trộm, ông lấy làm lạ để ý rình. Một đêm nọ, ông thấy một cô gái, độ 13, 14 tuổi từ bóng cây khoan thai đi đến, cầm dưa vẫn chơi ở dưới bóng trăng. Ông đón lại gạn hỏi, thì ra chính là người đã hái trộm dưa hôm trước. Ông thương cô gái còn nhỏ, rất xinh, bèn đem về nuôi. Cô gái dịu dàng tha thướt, là người của trời sinh, nên hai ông bà rất thương yêu. Ngày nọ, mưa lũ bỗng tràn đến, cô gái sực nhớ phong cảnh cũ ở núi Tam Thần, liền kiếm cây hoa, chất mảnh đá đắp làm núi giả để chơi. Ông già thấy vậy, bực tức la mắng. Đang lúc cô gái oán hận thì có cây già nam trôi theo nước lũ đến đó, bèn biến hình nhập vào thân cây ấy, rồi trôi theo nước lũ giạt vào bờ biển phương Bắc. Người phương ấy thấy cây thơm lạ, rủ nhau khiêng về nhà, nhưng nặng quá không nhấc lên nổi. Lúc bấy giờ, vị thái tử nước ấy nghe nói, bèn đến bờ biển xem, rồi xuống vớt cây nâng lên tay, đem về để nơi điện các.*”

Thái tử khi ấy vừa 20 tuổi, chưa có vợ, thường ngày đến vỗ về thân cây, trong lòng bồi hồi vương vấn. Có khi chợt thấy bóng trắng thoang thoang mùi thơm, trông lơ mơ như có người đi thoáng đến, nhiều lần như thế, trong lòng lấy làm lạ. Đêm nọ, sau khi mọi người đều yên giấc, thái tử đi đến chỗ cũ rình xem thì cũng lại thấy như đêm hôm trước, liền đi sát đến tận nơi, thì ra một cô gái đẹp.

Nàng hoàng hốt muốn chạy trốn, nhưng bị thái tử giữ lại gạn hỏi, không thoát thân được, cô đành phải kể lại duyên cớ. Thái tử nửa sợ, nửa mừng, tâu lên vua cha. Vua sai bói được quẻ tốt, bèn cho cùng nhau kết hôn. Vợ chồng ăn ở với nhau được ít lâu, sinh được một con trai đặt tên là Tri và một con gái tên là Qui.

Một hôm bà nhớ nơi ở cũ, bèn dắt con trai con gái nhập vào cây gỗ hương, vượt biển theo hướng Nam, thẳng đến cửa biển Cù Huân, rồi tìm về chỗ cũ tại ven núi Đại Điền. Đến nơi thì hai ông bà trông dưa đã mất rồi, bà bèn lập đền tại chỗ ấy để phụng thờ.

Thấy dân làng ở vùng này khờ dại, thật thà, không biết việc sinh nhai và phòng hoạn nạn, bà bèn dạy cho họ những phép tắc và bày cho cách làm ăn. Bà lại cho đục đá ở núi Cù Lao làm bức tượng truyền thần, rồi đương lúc ban ngày, bay lên trời đi mất.

Sau khi bà về Nam, thái tử ở Bắc Hải không biết bà đi đâu, bèn sai người đáp thuyền đi tìm. Khi bọn này đến Cù Huân, thì giờ giọng hách dịch hà hiếp dân sở tại và không kính trọng tượng thần. Bất thành linh nổi trận cuồng phong làm cho chiếc thuyền chở bọn đó bị lật úp xuống, hóa thành một đống đá to.

Từ đấy về sau, bà càng hiển linh. Có khi cưỡi voi trắng đi dạo trên đỉnh núi. Mỗi khi bà xuất hiện, nghe trong núi có ba tiếng nổ vang như sấm sét; có khi bà hiện hình như giải lụa bay giữa không trung; lại có khi bà cưỡi sấu qua lại trong vùng đảo Yên, núi Cù. Dân địa phương ngưỡng vọng, cho là thần, có cầu khẩn việc gì thường được ứng nghiệm, bèn xây hai ngọn tháp trên núi Cù Lao... Người Chiêm Thành gọi bà là Ana Diên Bà chúa Ngọc Thánh Phi. Buổi đầu triều ta, phong tặng bà là *Hồng nhân phổ tế, Linh ứng Thượng đẳng thần*<sup>8</sup>.

Tuy nhiên, truyền thuyết về bà được Phan Thanh Giản ghi lại như trên thông qua lời kể của người dân Việt được nhiều người cho rằng, đó có thể là dị bản từ một câu chuyện truyền thuyết khác về nàng Mưjuk hiện còn lưu truyền trong người Chăm ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận.

Ngoài ra, còn có nhiều truyền thuyết khác về nữ thần Thiên Y Ana, chẳng hạn người Chăm cho rằng: “*Pô Inư Nagar là một nữ thần do áng mây và bọt nước biển biến sinh. Bà sinh ra với một tấm thân cân đối, một khuôn mặt xinh đẹp tuyệt vời và*

chói rọi hào quang. Bà sinh ra tận ngoài biển khơi. Nước biển dâng cao đưa bà vào bến Yjatron. Sấm trời và gió hương nổi dậy báo cho muôn loài biết tin bà giáng thế. Liền đó những khe suối trên nguồn dồn lại thành sông chảy xuống mừng bà và núi hạ mình thấp xuống để đón rước bà. Bà bước lên bờ, cây cong cành xuống sát đất để tỏ lòng thần phục. Chim muông kéo nhau đến chầu hai bên đường. Và, hoa cỏ vươn lên để điểm hương vào bước chân bà đi. Nơi hậu cung bà có 97 ông chồng. Nhưng chỉ có ông Pô Yan Amur là có uy quyền và được trọng vọng hơn cả. Bà sinh được 38 nữ thần, người nào cũng xinh đẹp. Song, chỉ có ba người được bà ban cho nhiều quyền phép là Pô Nogar Dara, Rarai Anaih, nữ thần vùng Phan Rang và Pô Bia Tikuk, nữ thần vùng Phan Thiết". Chính vì vậy mà trong một bài hát của người Chăm đối với vị thần Mẹ Xứ sở của mình, đã ca ngợi: "Thần có tên là Pô Yan Inur Nugar Taha, nữ thần vĩ đại của xứ sở. Thần có tên nữa là Muk Juk (bà Đen), là Patao Kumây (chúa tể của phụ nữ). Thần sinh ra từ mây và bọt biển. Thần có 97 chồng, mà nổi tiếng nhất là Pô Yan Amur (ngài thần cha). Thần sinh ra 38 con gái. Thần sinh ra cây lúa, phù hộ cho những người làm ruộng".

Ngày nay, khi ca ngợi công đức của Thiên Y Ana, những thầy cúng ở làng Hữu Đức, tỉnh Ninh Thuận hát về bà như sau: "Ngài là nữ thần Mẹ của đất nước. Ngài tạo lập cả vùng đất này cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi. Ngài tạo ra cây lúa và dạy dân trồng lúa. Thượng đế trên trời cao gửi thấy hương thơm của lúa lẫn hương thơm của gỗ trầm mà người dưới trần dâng lễ. Rồi Pô Yan Inur Nagar mới dâng lên trời một hạt lúa có cánh trắng như mây. Thượng đế gieo hạt lúa ấy xuống để làm ra tất cả mọi giống lúa. Tuy các giống lúa có khác nhau, nhưng ruột thì hoàn toàn như nhau. Nữ thần Mẹ ghét những người độc ác và giúp đỡ những người hiền lành. Lễ cúng Ngài tôi dâng trên hai tay nâng cao".

Từ đó có thể nói rằng, nữ thần Thiên Y Ana là vị nữ thần bản địa có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm. Trải dài theo thời gian, vị nữ thần người Chăm đã có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tâm linh của người Việt trên vùng đất mới. Giữa họ có sự giao thoa, tiếp nhận qua lại các yếu tố văn hóa phù hợp giữa hai tộc người Việt - Chăm, Chăm - Việt cho dù những vùng đất mà sau này khi người

Chăm rút dần vào phía Nam, người Việt đến khai phá vẫn bảo lưu những tín ngưỡng văn hóa dân gian của họ, rồi được Việt hóa, thể hiện sự thờ kính, giữ gìn, tôn trọng sự linh thiêng của thần, trong đó có quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

## 2.2. Tín ngưỡng Thiên Y Ana tại các miếu thờ trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn

Qua kết quả khảo sát, bước đầu chúng tôi phát hiện trên địa bàn 4 phường Hòa Hải, Mỹ An, Khuê Mỹ và Hòa Quý thuộc quận Ngũ Hành Sơn còn hiện diện 69 ngôi miếu thờ thần, trong đó 8 ngôi thờ Bà chúa Ngọc và Bà chúa Lỗi<sup>9</sup> như: miếu Bà chúa Ngọc làng Hóa Sơn, phường Hòa Hải; miếu Bà chúa Ngọc, tổ 1A, làng Sơn Thủy, phường Hòa Hải; miếu Bà chúa Lỗi nằm bên cạnh miếu Bà chúa Ngọc ở tổ 1A, làng Sơn Thủy, phường Hòa Hải; miếu Bà chúa Ngọc, tổ 91, phường Khuê Mỹ; miếu Bà chúa Ngọc, miếu Bà chúa Lỗi trong động Huyền Không và miếu Bà chúa Ngọc trong động Tàng Chơn, thuộc khu danh thắng Ngũ Hành Sơn, phường Hòa Hải; và miếu Bà chúa Lỗi ở tổ 18, phường Mỹ An.

Có thể nói, Thiên Y Ana - Bà chúa Ngọc là danh xưng phổ biến của bà được người dân ở khu vực Ngũ Hành Sơn dùng để gọi tên vị nữ thần trong các miếu thờ của mình. Tên của bà thường dùng để gọi tên của ngôi miếu. Thiên Y Ana có lẽ là tên phiên âm Hán - Việt, gắn với sự tôn vinh, còn Bà chúa Ngọc mang cách gọi dân gian hơn. Bà được người dân ở đây quan niệm là Mẹ Đất, có lúc lại đồng nhất bà với trời, đôi khi người ta lại gán cho bà là một con người bằng xương bằng thịt ở trong làng, vì một lý do nào đó mà qua đời, sau này có công trong việc phù trợ, giúp đỡ nhân dân. Việc thờ phụng bà Mẹ Đất đối với cư dân Ngũ Hành Sơn từ thuở khai hoang lập ấp đến nay thường mang hai ý nghĩa, một mặt họ quan niệm "Mẹ" là yếu tố âm, gắn với đất, để đối đãi với "Cha", mang tính dương, gắn với trời. Đó là quan niệm mang tính phổ quát trong quan niệm của người phương Đông và người Việt. Mặc khác, đối với vùng đất Ngũ Hành Sơn, khi người Việt mới đặt chân tới, thì bà Mẹ Đất ở đây có nghĩa là vị thần Đất của người dân bản địa thuở trước (người Chăm). Do vậy, việc thờ vị thần của cư dân bản địa để cầu mong sự che chở, phù hộ thì đó cũng là quan niệm truyền thống của những di dân người Việt trên bước đường Nam tiến.

Trong một sắc phong của vua Minh Mạng đã ca ngợi công đức của Bà: "Sắc tặng vị nữ thần

Thiên Y Ana Diển Phi chúa Ngọc, là bậc thần có công phò nước giúp dân, công đức rất sáng rõ, đã được xã dân phụng thờ. Từ khi đức Thế tổ Cao hoàng đế ta thống nhất bờ cõi, mang lại hạnh phúc cho cả thần linh và con người. Nay ta vâng nổi nghiệp lớn lên nổi ngôi, chạnh nghĩ đến đức tốt của các bậc thần linh, nên trân trọng nêu lên những danh hiệu quý, để gia tặng ngài danh hiệu: Hồng nhân phổ tế linh cảm, đứng ở bậc Thượng đẳng thần, chuẩn cho xã Hóa Khuê Đông, huyện Diên Phước được phụng thờ như cũ. Ngài hãy giúp bảo hộ cho đám dân đen của ta. Hãy kính cẩn vâng mệnh. Ngày mười một, tháng hai, năm Minh Mạng thứ hai”.

Cư dân nơi đây không còn nhớ rõ các truyền thuyết về bà. Khi chúng tôi phỏng vấn thì họ chỉ cho biết: “Bà linh lắm, bà là Mẹ Xứ sở”. Cá biệt như làng Sơn Thủy thì lưu truyền về gốc tích của bà như sau: “Bà tên gì thì họ cũng không nhớ, chỉ nghe những người đời trước kể rằng, bà là một người phụ nữ sống ở trong làng, nhưng vì gia đình nghèo khó, trong một lúc túng quẫn, bà đã đi trộm khoai và bị dân làng bắt được đánh bà, không may bà chết. Từ đó bà thường hiển linh về phá xóm, phá làng. Đến khi lập miếu thờ bà thì nhân dân trong làng mới được yên ổn làm ăn và được bà độ trì cho. Dưới thời Minh Mạng, bà đã được sắc phong”. Qua câu chuyện trên, thực hư chưa rõ, nhưng có thể người đời sau không biết gốc tích về bà nên đã “mượn” hình ảnh của một người trong làng để đề cập đến bà chăng? Nhưng vào những thập niên đầu của thế kỷ XX bác sỹ Albert Sallet đã cho biết về sự linh ứng của bà: “người làng Quán Khái nói rằng, nhiều biểu hiện tương tự được lặp lại, đôi khi tại nhà người giữ sắc phong. Người ta thuật về bà: Một đứa trẻ làm tổn hại đến chùa Tam Thai, ăn trộm trong hộp trầu của các bàn thờ. Nó bị phạt lập tức, bất động không cựa quậy gì được, người không một chút sinh khí, bất lực hoàn toàn dù chỉ là một cử động nhỏ, như thể có sợi dây vô hình trói buộc. Bà Ngọc sai âm binh bộ hạ và những kẻ khuất mặt này trừng phạt đứa bé ăn trộm, tiếp ngay sau đó bà đã cõi trời khi người ta chạy đến cầu khẩn trước bàn thờ bà. Cái hộp sắc được giữ nơi làng Quán Khái”<sup>10</sup>.

Qua khảo sát miếu thờ bà trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, chúng tôi thấy, đa phần miếu đều có kích thước nhỏ. Chúng được đục vào vách đá (như ở động Huyền Không) hoặc tọa lạc trên một

đồi cát cao (ở phường Mỹ An), hay nằm bên triền sông (ở Hóa Sơn),... Và, đa phần kiến trúc miếu khá đơn giản, kiểu mái vòm, với một gian thờ. Những ngôi miếu này thông thường chỉ cao khoảng 3 m. Chỉ có miếu Bà chúa Lỗi ở phường Mỹ An được xây dựng với quy mô rộng lớn, chia thành ba gian thờ.

Những đồ án trang trí chủ yếu trong các miếu thường là đồ án tứ linh (lân, ly, quy, phượng), tứ quý (mai, lan, cúc, trúc), quả đào, quả lựu, quả Phật thủ,... Ngoài ra, trên các bức tường bên trong gian thờ thường vẽ phong cảnh của danh thắng Ngũ Hành Sơn bằng sơn màu rất sống động. Tuy nhiên, đồ án chủ đạo trang trí trong các ngôi miếu vẫn là chim phượng, bởi chim phượng là tượng trưng cho hoàng hậu, cho giới nữ, nên được trang trí trên các miếu thờ nữ thần Thiên Y Ana. Đặc biệt, trong miếu còn trang trí nhiều câu đối chữ Hán, nhằm ca ngợi, suy tôn công đức của bà.

Trong 8 ngôi miếu thờ bà ở Ngũ Hành Sơn thì có đến 6 nơi có tượng bà, như miếu Bà chúa Ngọc - làng Hóa Sơn (Hòa Hải); miếu Thiên Y Ana - làng Sơn Thủy (Hòa Hải); miếu Bà chúa Lỗi nằm bên cạnh miếu Bà chúa Ngọc ở làng Sơn Thủy (Hòa Hải); miếu Bà chúa Ngọc và miếu Bà chúa Lỗi trong động Huyền Không; miếu trong động Tàng Chơn, thuộc khu di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn (Hòa Hải):

- Miếu Bà chúa Ngọc ở làng Sơn Thủy, tổ 1A, phường Hòa Hải: tượng thờ bằng đất nung, cao 80 cm, để làm bằng đá cao 25 cm. Tượng của bà được choàng 7 lớp áo, với ba màu sắc chủ đạo là vàng, hồng, xanh. Tượng thể hiện vị nữ thần trong tư thế ngồi trên ngai, đầu đội mũ, khuôn mặt tròn, hiền lành phúc hậu.

- Miếu Bà chúa Lỗi ở làng Sơn Thủy, tổ 1A, phường Hòa Hải: tượng thờ bà được làm bằng đất nung, cao 34 cm, để cũng làm bằng đất nung, cao 6 cm. Tượng thể hiện người phụ nữ đang ngồi trên ngai, đầu đội mũ, bên ngoài được choàng 7 lớp áo với ba màu sắc chủ đạo là vàng, hồng, xanh. So với toàn bộ những tượng thờ bà trong các miếu ở quận Ngũ Hành Sơn thì pho tượng này mang đặc điểm nhân chủng Chăm rõ nhất, như tóc xoăn, môi dày,...

- Lăng Bà chúa ở làng Hóa Sơn, phường Hòa Hải: tượng có chiều cao 45 cm, chiều ngang là 22 cm, được làm bằng sứ trắng men trắng, đang ngồi trên ngai, khuôn mặt hiền lành, phúc hậu. Tượng

bà được chào một tấm chào bằng kim tuyến màu vàng từ đầu đến chân, đặt trong khung kiếng.

- Miếu thờ Bà chúa Ngọc trong động Huyền Không: tượng thể hiện bà trong tư thế ngồi, đầu đội mũ hình chóp, bên ngoài khoác áo màu xanh lá cây, trên áo đính những viên ngọc nhiều màu. Bác sỹ Albert Sallet đã miêu tả về tượng bà như sau: “vị thần tiếp đó núp trong một cái miếu nguyên là công trình của một góc núi Cẩm Thạch. Đó là chỗ thờ dung nạp một cái khám được viền quanh bằng vôi nê, một nhân vật được phủ dạ ngồi đầy, tráng một lớp sơn với nhiều màu sắc chọi nhau, phơi bày một cách ác liệt, tất cả các chi tiết đều khắc đều chìm ngấm, những cảm tưởng biến mất và không có sự sống. Hai trái tai to tướng của hai tai trĩu xuống, tóc dường như dựng đứng lên, thể ngồi theo phong cách Ấn Độ, tượng bằng đá: đó là bà Ngọc Phi, vết tích tín ngưỡng xưa của người Chăm, nguyên thủy được sùng bái, tôn sùng theo một nền văn hóa vốn dĩ khác biệt. Đó là vị thần hảo tâm có nhiều cảm ứng hiển hiện mà những sự phán xét có lẽ được chấp nhận nhiều hơn và nhất là cự tuyệt những lời thể giả dối, vị lương thần có nhiều biểu hiện quyền năng, bà ban ân huệ và hiển linh. Dân chúng thường gọi là Bà chúa Ngọc và họ kể về bà nhiều chuyện thị chứng và quyền lực của bà”<sup>11</sup>.

- Miếu thờ Bà chúa Lỗi trong động Huyền Không: trên miếu bà có ghi ba chữ Hán là Linh Sơn tự. Trong cuốn *Ngũ Hành sơn* có đoạn miêu tả: “Ở góc khác, trên bức tường đá bên phải, đối diện với bà Ngọc, đặt cái tấm nhỏ thờ bà Lỗi Phi, với những hành động trái ngược sự ban ơn của bà Ngọc: ghim sự việc trong bụng, rầy rà, bà tỏ ra dụi xuống với những ai đến quỳ lạy van xin. Nhưng bà kém được tôn vinh và người ta cũng ít nói về bà. Hình như có một lần bà được sắc phong là thần, mới đây thôi, niên hiệu triều Duy Tân. Làng Hóa Quê giữ phần việc thờ cúng bà Lỗi và cuộc lễ tiến hành như lễ bà Ngọc Phi của làng Quán Khái. Hai cuộc lễ ấy cùng xảy ra một ngày và cùng thời điểm như nhau”<sup>12</sup>.

- Miếu thờ Bà chúa Ngọc ở động Tàng Chơn: trong động Tàng Chơn vốn dĩ phối thờ nhiều vị thần, như Thái Thượng Lão quân, Bát tiên và còn có tượng thờ bà. So với các pho tượng trong động, thì tượng bà tạc “bằng đá, nhưng cấu tạo đặc biệt hơn. Kích thước mạnh hơn; nhân vật ngồi theo kiểu Ấn Độ, với trái tai treo cao mà người ta ngỡ

rằng là quá cao, cuối cùng mặc dù có lớp sơn và quang dầu, dưới những mảnh lưu dấu, người ta phát hiện đường nét xưa của tượng Chăm; đó là di tích thể hiện cá tính của tiên ‘Thiên Y Ana - chúa Ngọc’ hay ‘bà Ngọc’ là tên gọi biến danh từ nguyên thể gốc”<sup>13</sup>.

Ngày nay, những ngôi miếu thờ bà trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn không còn vẻ cổ kính nữa, bởi trải qua nhiều năm tháng, thời gian, chiến tranh, bom đạn tàn phá vùng đất này nên những di tích miếu thờ cũng chịu chung số phận bị hủy diệt, chỉ có hai ngôi miếu ở trong động Huyền Không, một ngôi miếu trong động Tàng Chơn và một ở phường Khuê Mỹ là còn giữ được những dấu ấn kiến trúc cổ như mái lợp ngói âm dương, được khắc các họa tiết trang trí cổ kính.

Có thể nói, hình tượng Thiên Y Ana đã được Việt hóa theo cách ứng xử của người Việt ở Ngũ Hành Sơn, chỉ có tượng Bà chúa Lỗi ở Sơn Thủy và tượng Bà chúa Ngọc ở động Tàng Chơn thuộc phường Hòa Hải còn mang phong cách nhân chủng Chăm, còn lại một vài nơi người ta dùng chất liệu màu sơn kẻ lại hình tướng các tượng thờ đặt bên trong miếu bà. Và, trước hình tướng của vị nữ thần, người Việt đặt một bát/nồi hương và thực hiện nghi lễ theo cách riêng của mình. Đây chính là sự Việt hóa, tiếp biến văn hóa tín ngưỡng dân gian xảy ra ngay từ khi người Việt ở Ngũ Hành Sơn đặt bước chân của mình vào vùng đất phương Nam nắng gió này để khai cơ lập nghiệp.

Hàng năm, các ngôi miếu có liên quan đến nữ thần Thiên Y Ana thường được người dân địa phương tiến hành cúng tế thành kính theo nghi lễ tế thần truyền thống vào dịp xuân, thu nhị kỳ. Còn lễ cúng bà tại động Huyền Không được tổ chức vào ngày 25 tháng Giêng. Phần tế bà trong các lễ cúng thường giống nhau, gồm: Lễ tế Âm linh, Lễ Cáo, Lễ Chánh. Ba năm một lần, người ta tổ chức đại lễ. Lễ vật dâng cúng gồm hương hoa, áo giấy, đồ ăn chay và đồ ăn mặn, có nơi thì cúng heo quay, có làng thì cúng cả con bê. Trước đây, dâng lễ thì có đồng tử đội mâm lặn lội nhiều vòng vào miếu (lặng) dâng lễ. Nhưng ngày nay, với phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới, thì hình thức dâng lễ trước kia được bãi bỏ, thay vào đó chỉ dâng lễ một cách đơn giản, do ông chánh tế thực hiện: sau khi tẩy uế, xin keo thì dâng lần lượt từng mâm lên bàn thờ.

Vào ngày lễ, nhân dân tập trung đông đủ tại miếu và cùng chuẩn bị các đồ lễ dâng lên bà.

Trong ngày này, họ đến đây để tỏ lòng kính nhớ tới bà và cầu an, cầu bà giúp cho “quốc thái dân an, phong điều vũ thuận”, mùa màng bội thu, công việc làm ăn được hanh thông, thuận lợi...<sup>14</sup>.

Thiên Y Ana là vị nữ thần có vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm. Bà không chỉ được người Chăm thờ tự, mà ngay cả người Việt trên bước đường Nam tiến đã tiếp nhận. Vị nữ thần đầy quyền năng, siêu việt, cứu giúp người dân, giúp họ vượt qua những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống. Niềm tin về bà đã được thần thánh hóa, thêu dệt thành những truyền thuyết, huyền thoại về sự hóa thân, cứu rỗi con người, để rồi đến nay, hình tượng cũng như sự “cứu độ” của bà vẫn được người dân Ngũ Hành Sơn tôn kính.

Có thể nói, tín ngưỡng thờ Thiên Y Ana của cộng đồng cư dân Việt trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn là bộ phận quan trọng, chủ đạo, là một tổng thể văn hóa và là những di sản quý báu trong đời sống văn hóa của cư dân Đà Nẵng suốt bao thế kỷ qua. Thông qua hình thức thờ này, phần nào đã phản chiếu được quá trình phát triển, đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng cư dân nơi đây từ thuở khai hoang lập ấp cho đến ngày nay. Đồng thời, còn biểu hiện quá trình giao lưu và dung nạp văn hóa giữa cộng đồng các tộc người đang sinh sống trên mảnh đất này.

Ngày nay, việc nghiên cứu và bảo tồn tín ngưỡng thờ Thiên Y Ana ở Ngũ Hành Sơn trong quá trình đô thị hóa là một việc làm cần thiết. Đây không chỉ là một gạch nối giữa con người và thần linh, giữa con người với con người, giữa truyền thống và hiện tại mà còn là cơ sở cho sự tiếp tục gắn bó của các cộng đồng cư dân đang sinh sống trên mảnh đất Ngũ Hành Sơn./.

**D.T.T**

**Chú thích:**

- 1- Phòng Văn hóa Thông tin quận Ngũ Hành Sơn, *Di sản văn hóa quận Ngũ Hành Sơn*, Đà Nẵng, 2008, tr. 21.
- 2- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, 2000, tr. 15 - 16.
- 3- Vũ Văn Mẫu, *Trên đường Nam tiến, Phần I: Cuộc Nam tiến trên đất Chiêm Thành*, Sài Gòn, 1980, tr. 18.
- 4- Nguyễn Văn Mai, *Nam - Việt lược sử*, Emprimerie et Librairie J. Viet, SaiGon, 1919, tr. 22.
- 5- Bà chúa Ngọc tức là nữ thần Thiên Y Ana (Mẹ Xứ sở) của người Chăm, được người Việt Việt hóa, xem là vị thần có tại xứ sở mình đang sinh sống. Bà được người Việt gọi với danh xưng Bà chúa Ngọc.
- 6- Ngô Đức Thịnh, *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, 2010,

tr. 125.

7- Ngô Đức Thịnh, *Sđđ*, tr. 137.

8- Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2012, tr. 644 - 646.

9- Bà chúa Lôi còn có tên là Giàng Lôi, Lôi Phi. Một số người cho rằng, Bà chúa Ngọc và Bà chúa Lôi là hai chị em. Chẳng hạn, bác sỹ Albert Sallet cho rằng: “Hai bà Thiên Phi này, có thể là hai chị em, không chỉ có cùng một hành động và tôn vinh mà có một nguồn gốc rõ ràng, minh bạch về trạng thái giống nhau của hai nhân vật bằng đá, mặc dầu những nét cương nghị của họ trên bề mặt đã bị sửa sang lại: như bà Ngọc, bà Lôi Phi có thể là xuất xứ Chăm, cả hai bà đều được chuyển từ những tấm thờ cũ xưa, người An Nam do có tính xuê xoa dễ dung nạp, đem theo về động này để thờ”. Nhiều người khác lại cho rằng, Bà chúa Ngọc và Bà chúa Lôi đều là hóa thân của nữ thần Thiên Y Ana, bởi trên mảnh đất miền Trung này, hóa thân của Thiên Y Ana hiện diện rất nhiều như bà Bô Bô, chúa Yàng,...

10- Albert Sallet, *Ngũ Hành Sơn* (bản dịch của Nguyễn Sinh Duy), Nxb. Đà Nẵng, 1996, tr. 126.

11, 14- Albert Sallet, *Sđđ*, tr. 126.

12- Albert Sallet, *Sđđ*, tr. 127 - 128.

13- Albert Sallet, *Sđđ*, tr. 103.

**Tài liệu tham khảo:**

- 1- Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Hà Nội, Nxb. Khoa học xã hội.
- 2- Ngô Văn Doanh (1994), *Tháp cổ Chăm Pa - sự thật và huyền thoại*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
- 3- Ngô Văn Doanh (2009), *Tháp Bà Thiên Y Ana - hành trình của một nữ thần*, thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ.
- 4- Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hóa cổ Chăm Pa*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa dân tộc.
- 5- Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
- 6- Đỗ Trinh Huệ (2006), *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadiere*, Huế, Nxb. Thuận Hóa.
- 7- Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Tự điển Bách khoa và Viện Văn hóa xuất bản.
- 8- Nguyễn Xuân Hương (2011), *Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở xứ Quảng*, Đà Nẵng, Nxb. Đà Nẵng.
- 9- Inrasara (2003), *Văn hóa - xã hội Chăm - nghiên cứu và đối thoại*, Hà Nội, Nxb. Văn học.
- 10- Leopold Cadiere (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo của người Việt* (3 tập), Huế, Nxb. Thuận Hóa.
- 11- Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần người và đất Việt*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
- 12- Phòng Văn hóa - Thông tin quận Ngũ Hành Sơn (2008), *Di sản văn hóa quận Ngũ Hành Sơn*, Đà Nẵng.
- 13- Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Hà Nội, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- 14- Albert Sallet (1996), *Ngũ Hành Sơn* (bản dịch của Nguyễn Sinh Duy), Đà Nẵng, Nxb. Đà Nẵng.
- 15- Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Hà Nội, Nxb. Tôn giáo.